TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HSST
Ngày 11/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan H C
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ng L; Bà Nguyễn Vũ Th T M.
- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Th Th - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Lê V Th - Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 390/2020/TL.HSST ngày 16/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 513/2020/QĐXXST-HS ngày 23/12/2020 đối với bị cáo:

Bùi V H, sinh ngày 11/3/1992 tại tỉnh P T; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 3, thôn Q T, xã T L, huyện C Kh, tỉnh P T; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Đoàn thể, Đảng phái: không; Con ông Bùi V Ph và bà Hoàng Th Q; Vợ tên là Phan Th Th, có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Danh chỉ bản số 000000446, lập ngày 04/6/2020 tại Trại tạm giam số 01 Công an thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 21/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh T N xử phạt 3 năm tù về tội "Đánh bạc" và 14 năm tù về tội 'Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Bị tạm giam từ ngày 24/5/2019 (Theo bản án số 49/2019/HS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T N); Hiện đang giam giữ tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi V H tại phiên toà: Luật sư Nguyễn Th H – Văn phòng luật sư Nguyễn A thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH thương mại V L (Gọi tắt là Công ty V L); Trụ sở: Số 577, phố N G T, phường Đ G, quận L B, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn V – Giám đốc; Ông V ủy quyền cho bà Đồng Th Á T, sinh năm 1964 – Phó giám đốc, cư trú: số 531, phố N G T, phường Đ G, quận L B, thành phố H đại diện; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Đồng Thị Á T, sinh năm 1964; Cư trú: số 531, phố N G T, phường Đ G, quận L B, thành phố H; Có mặt.

- Người làm chứng:

1, Chị Nguyễn Thị Th H, sinh năm 1973; Cư trú: Thôn C Kh, xã Ng Kh, huyện Đ A, thành phố H; Vắng mặt.

2, Anh Thân C Ph, sinh năm 1992; Cư trú: Xóm D N, xã M L, huyện Đ A, thành phố H; Vắng mặt.

3, Anh Đỗ Đ K sinh năm 1977; Cư trú: Thôn L X, xã M L, huyện Đ A, thành phố H; Vắng mặt.

4, Anh Nguyễn D H, sinh năm 1975; Cư trú: Thôn Đ M, xã U N, huyện Đ A, thành phố H; Vắng mặt.

5, Chị Trần Thị A, sinh năm 1978; Cư trú: Thôn Đ H, xã C K, thị xã T S, thành phố H; Vắng mặt.

6, Bà Trần Thị O, sinh năm 1966; Cư trú: Xóm 4, thôn Đ H, xã C K, thị xã T S, tỉnh B N; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cáo trạng và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2018, Bùi Văn H (Sinh năm 1992; Trú tại: Khu 3, thôn Q T, xã T L, C K, P T; Ở tại: Ki ốt số 13, chợ Y T, xã Y T, huyện G, thành phố H) làm nghề mua bán sắt thép xây dựng nên có quan hệ trong kinh doanh với bà Đồng Thị Á T (Sinh năm 1964; Cư trú: số 531, phố N G T, phường Đ G, quận L B, thành phố H; Là Phó Giám đốc Công ty V L chuyên kinh doanh sắt thép xây dựng). Đã nhiều lần, Hưng mua thép của công ty V L bán lại cho các hộ kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn thị xã T S, B N để hưởng tiền chênh lệch giá. Sau mỗi lần mua bán hàng, H đều thanh toán đầy đủ nên được bà T tin tưởng cho lấy hàng trước trả tiền sau.

Sáng ngày 05/10/2018, H gọi điện thoại cho bà T đặt mua 01 lô hàng thép xây dựng mã D6,5. Bà T thông báo giá thép là 13.820 đồng/01kg và yêu cầu sau khi nhận hàng phải thanh toán hết tiền, H đồng ý. Sau đó, H liên hệ với chị Trần Thị A (Sinh năm 1978; Trú tại: Thôn Đ H, xã C K, tỉnh T S; Là chủ cửa hàng sắt thép xây dựng T A) để bán lại lô hàng với giá 13.840 đồng/01kg, chị Anh đồng ý mua. Do bà T không ở công ty nên đã gọi điện thoại giao cho chị Nguyễn Thị Th H (Sinh năm 1973; Trú tại: Thôn C K, xã N K, huyện Đ, thành phố H; Là nhân viên của công ty) làm thủ tục xuất hàng tại kho của công ty ở xã M L, huyện Đ, thành phố H giao cho H. H đã gọi điện thoại cho chị H yêu cầu cho xe ô tô chở thép đến trạm cân Đ Ph ở Khu công nghiệp M Ô, xã Đ B, huyện T S, tỉnh B N để cân và giao hàng. Chị Hg giao cho anh Thân C Ph (Sinh năm 1982; Trú tại: Xóm D N, xã M L, huyện Đ A, thành phố H; Là lái xe của công ty), điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29C-936.07 chở lô hàng thép mã D6,5 có tổng trọng lượng 32.760 kg, trị giá 452.743.200 đồng đến trạm cân Đ Ph giao cho chị Trần Thị A theo yêu cầu của H. Sau khi nhận hàng, chị A đã trả cho H số tiền 453.398.400 đồng, H được hưởng tiền chênh lệch giá là 655.200 đồng. Đến 12 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại bảo chị Hg xuất thêm 02 lô hàng thép D6,5 và nói là đã chuyển tiền của lô hàng trước vào tài khoản của bà T rồi. Chị Hg tin tưởng và do không gọi được điện thoại cho bà T để xác nhận việc chuyển tiền nên tiếp tục xuất kho 02 lô hàng thép cho H. H liên hệ với chị Trần Thị A để bán tiếp 01 lô hàng với giá là 13.840 đồng/01kg và gọi điện cho bà Trần Thị O (Sinh năm 1966; Trú tại: Xóm 4, thôn Đ H, xã C K, huyện T S, tỉnh B N; Là chủ cửa hàng sắt thép O M) để bán 01 lô hàng với giá là 13.850 đồng/01kg, cụ thể gồm:

- Lô hàng thép xây dựng mã D6,5 trọng lượng 30.500kg, trị giá 421.510.000 đồng, chị Hg giao cho anh Nguyễn Duy Hn (Sinh năm 1975; Trú tại:

Thôn Đ M, xã U N, huyện Đ A, thành phố H; Là lái xe của công ty) điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29C-397.22 chở thép đến trạm cân Đ P giao cho chị Trần Thị A theo yêu cầu của H. Sau khi nhận được hàng, chị A đã trả cho H số tiền 422.120.000 đồng. H được hưởng tiền chênh lệch giá là 610.000 đồng.

- Lô hàng thép xây dựng mã D6,5 trọng lượng 32.720kg, trị giá 452.190.400 đồng, chị H giao cho anh Đỗ Đức K (Sinh năm 1977; Trú tại: Thôn L X, xã M L, huyện Đ A, thành phố H; Là lái xe của công ty) điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29C-984.97 chở thép đến trạm cân Tuyết Vinh tại xóm 6, thôn Đ H, xã C K, T S, B N giao cho bà Trần Thị O theo yêu cầu của H. Sau khi nhận được hàng, bà O đã trả 453.172.000 đồng cho H. H hưởng tiền chênh lệch giá là 981.600 đồng.

Như vậy, trong ngày 05/10/2018, Bùi Văn H đã mua của bà Đồng Thị Á T 03 lô hàng thép xây dựng tổng trọng lượng là 95.980kg, với giá 13.820 đồng/1kg, tổng trị giá là 1.326.443.600 đồng. H đã bán lại cho chị Trần Thị A và bà Trần Thị O được tổng số tiền là 1.328.690.400 đồng, được hưởng tiền chênh lệch là 2.246.800 đồng. Chiều ngày 05/10/2018, H đã nộp 650.000.000 đồng vào tài khoản của H mở tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh T S và mang tiền mặt về nhà trọ. Đến tối cùng ngày, H nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền bán hàng, không thực hiện thoả thuận thanh toán cho bà Đồng Thị Á T như đã hứa hẹn mà sử dụng để trả nợ từ trước và dùng để đánh bạc bằng hình thức chơi số lô, số đề với Nguyễn Đức H (Sinh năm 1981; Trú tại: Thị trấn Đ N, huyện L N, B G; Ở tại: Xã Đ B, T S, tỉnh B N). Cụ thể như sau:

- Chiều ngày 08/10/2018, Bùi Văn H nhắn tin vào số điện thoại của Nguyễn Đức H mua 07 số lô (00; 02; 03; 04; 05; 07; 09), mỗi số 900 điểm, mỗi điểm tương ứng với 22.000 đồng. Bùi Văn H dùng tài khoản của mình mở tại ngân hàng BIDV Chi nhánh Đông Hà Nội để chuyển khoản số tiền 138.600.000 đồng qua dịch vụ Internetbanking đến tài khoản của Nguyễn Đức H mở tại ngân hàng BIDV Chi nhánh T S để đánh 07 số lô nêu trên. Đến tối cùng ngày, sau khi có kết quả xổ số Miền Bắc, Bùi Văn H đã trúng 02 số lô (03; 07), H thắng bạc được số tiền là 144.000.000 đồng. Do trước đó, Bùi Văn H còn nợ của Nguyễn Đức H 15.000.000 đồng nên Đức H đã trừ nợ cũ và chuyển vào tài khoản cho Bùi Văn H là 129.000.000 đồng.

- Sáng ngày 09/10/2018, Bùi Văn H tiếp tục nhắn tin vào số điện thoại của Nguyễn Đức H mua 07 số lô (02; 03; 04; 05; 06; 07; 08), mỗi số 900 điểm, mỗi điểm tương ứng với 22.000 đồng. Sau đó, Bùi Văn H chuyển khoản số tiền là 138.600.000 đồng qua Internetbanking từ tài khoản của mình đến tài khoản của Nguyễn Đức H để đánh 07 số lô nêu trên. Đến tối cùng ngày, sau khi có kết quả xổ số Miền Bắc, Bùi Văn H không trúng số lô nào và bị thua hết số tiền 138.600.000 đồng. Sau khi Nguyễn Đức H nhận được tin nhắn và số tiền của Bùi Văn H chuyển đến để đánh lô thì Nguyễn Đức H đã chuyển ngay tin nhắn các số lô và số tiền đánh bạc của Bùi Văn H cho Thân Văn L (Sinh năm 1983; Trú tại: Xóm 5, thôn M Đ, xã H M, huyện V Y, tỉnh B G) để đánh bạc. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, triệu tập nhiều lần nhưng L vắng mặt tại nơi cư trú nên không ghi được lời khai để làm rõ. Do đó, Cơ quan điều tra đã quyết định tách rút tài liệu liên quan đến hành vi đánh bạc của Nguyễn Đức Hvới Thân Văn L để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Sau khi bán cho Bùi Văn H 03 lô hàng thép nêu trên nhưng không thấy Hưng thanh toán tiền, bà T đã gọi điện thoại yêu cầu H trả tiền hàng, nhưng qua tìm hiểu biết H đã dùng tiền bán thép để đánh bạc thua hết, không có khả năng thanh toán và bỏ trốn khỏi nơi cư trú để trốn tránh việc trả nợ. Ngày 11/10/2018, bà T đã làm đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tố giác hành vi chiếm đoạt tài sản của Bùi Văn H.

Quá trình điều tra còn xác định: Cũng vào thời gian trên và bằng thủ đoạn tương tự vào ngày 23/9/2018 và ngày 04/10/2018, Bùi Văn H đã có hành vi chiếm đoạt 98.181 kg thép xây dựng, trị giá 1.365.075.992 đồng của Công ty CPTM và Xây dựng Q M (Trụ sở: Số 721, đường Cách mạng Tháng Tám, phường GS, thành phố T N, tỉnh T N) sử dụng để chơi số lô, số đề với Nguyễn Đức H. Do không còn khả năng thanh toán tiền hàng nên Bùi Văn H bỏ trốn khỏi nơi cư trú nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Công ty Q M đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T N điều tra, xử lý. Ngày 30/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T N đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Bùi Văn H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Đánh bạc", theo quy định tại Điều 175 và Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do Bùi Văn H bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T N đã ra Lệnh truy nã, đến ngày 24/5/2019 thì bị bắt tại xã T X, huyện H M, thành phố HC. Tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh T N, Bùi Văn H và Nguyễn Đức H đã khai nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi số lô ngày 08 và 09/10/2018 với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 421.200.000 đồng như đã nêu trên và đã được xét xử tại Bản án số 49/2019/HSST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T N, trong đó đã xử phạt Bùi Văn H 14 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và 03 năm tù về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Điều 175 và Điều 321 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Nguyễn Đức H 03 năm tù về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn H khai ngoài hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi số lô với Nguyễn Đức H, trong các ngày 05, 06, 07, 08 và 09/10/2018, Bùi Văn H đã sử dụng số tiền bán thép là 870.000.000 đồng để đánh bạc bằng hình thức chơi số lô, số đề với Nguyễn Văn H (Sinh năm 1986; Trú tại: Thôn V C, xã Đ L, huyện H H, tỉnh B G; Ở tại: Thôn Y K, xã Y T, huyện G, thành phố H). Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, in sao kê tài khoản ngân hàng nhưng H không thừa nhận hành vi đánh bạc với Bùi Văn H. H khai các khoản tiền Bùi Văn H chuyển vào tài khoản ngân hàng của Hải là do Bùi Văn H trả nợ tiền đã vay của H để buôn bán. Đã tiến hành cho Bùi Văn H đối chất với Nguyễn Văn H nhưng cả hai vẫn giữ nguyên lời khai. Quá trình điều tra đến nay chỉ có lời khai của Bùi Văn H, ngoài ra không có tài liệu nào khác chứng minh. Do không đủ căn cứ để kết luận về hành vi Đánh bạc của Nguyễn Văn H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi số lô nêu trên của Bùi Văn H và Nguyễn Đức H, do đã được xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Toà án nhân dân tỉnh T N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không đề cập xử lý đối với Bùi Văn H và Nguyễn Đức H về tội Đánh bạc trong vụ án này.

Đối với chị Trần Thị A và bà Trần Thị O là người đã mua 03 lô hàng thép xây dựng của Bùi Văn H vào ngày 05/10/2018. Kết quả điều tra xác định chị A,

bà O không biết số lượng thép do Bùi Văn H bán cho mình là tài sản do Bùi Văn H chiếm đoạt của người khác. Việc chị A, bà O mua bán thép với Bùi Văn H là ngay thẳng không có dấu hiệu của tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra vụ án, bà Đồng Thị Á T là đại diện công ty V L yêu cầu Bùi Văn H phải bồi thường số tiền 1.326.443.600 đồng cho công ty V L và đề nghị xử lý H theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 360/CT-VKS-P2 ngày 28/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Bùi Văn H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Bị cáo Bùi Văn H có quan điểm: Không có ý kiến gì về tội danh, điều luật Viện kiểm sát truy tố; Khai báo thành khẩn hành vi phạm tội như tại Cơ quan điều tra; Ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bà Đồng Thị Á T là đại diện theo ủy quyền của bị hại Công ty V L, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quan điểm: Về hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật; Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty V L hoặc trả lại tiền đã chiếm đoạt cho bà T để bà T trực tiếp trả cho công ty.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố Bùi Văn H tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự theo nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị: xử phạt Bùi Văn H từ 12 đến 13 năm tù; Tổng hợp với hình phạt 17 năm tù của bản án số 49 ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T N; Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 2 bản án từ 29 đến 30 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt, nhưng chưa trả cho bị hại Công ty V L.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Không có ý kiến gì về tội danh, điều khoản Luật Viện kiểm sát áp dụng truy tố bị cáo; Bị cáo đã khai báo thành khẩn; Ăn năn hối cải; Nhân thân được coi như chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị xem xét mức hình phạt đối với bị cáo thấp hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đề xuất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên và các cơ quan tiến hành tố tụng.

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cơ bản bảo đảm đúng quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét

công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Bùi Văn H là khách hàng thường xuyên mua thép xây dựng của công ty V L thông qua bà Đồng Thị Á T là phó giám đốc công ty với hình thức mua hàng trước trả tiền sau để bán lại hưởng tiền chênh lệch; Ngày 05/10/2018, Hưng mua của công ty V L 03 lô hàng thép xây dựng D6,5 có trọng lượng là 95.980 kg với giá là 13.820 đồng/kg, tổng trị giá 03 lô hàng thép là 1.326.443.600 đồng; Sau khi mua được hàng, H đã bán lại cho các hộ kinh doanh vật liệu xây dựng được tổng số tiền là 1.328.690.400 đồng, hưởng số tiền chênh lệch là 2.246.800 đồng, nhưng H không thanh toán lại số tiền mua thép cho công ty V L mà dùng số tiền hàng bán được vào việc chơi cờ bạc và chi tiêu cá nhân dẫn đến không có khả năng thanh toán tiền hàng nên đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Đến ngày 24/5/2019, H bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh T N bắt giữ theo lệnh truy nã về hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" xảy ra tại tỉnh T N.

Với hành vi phạm tội nêu trên, cáo trạng số 360/CT-VKS-P2 ngày 28/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Bùi Văn H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét hành vi của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Nhân thân bị cáo có 01 tiền án: Ngày 21/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh T N xử phạt 14 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và 03 năm tù về tội "Đánh bạc". Tuy lần phạm tội này không xác định bị cáo tái phạm, nhưng cho thấy bị cáo có nhân thân xấu. Ngoài ra, bị cáo phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tuy nhiên, khi lượng hình xét thấy tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Hình phạt của bản án này sẽ được tổng hợp với hình phạt của bản án số 49/2019/HS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T N mà bị cáo chưa chấp hành.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự thì bị cáo phải có trách nhiệm trả số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại Công ty V L.

Bị cáo chưa trả số tiền 1.326.443.600 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm đồng) đã chiếm đoạt cho công ty V L. Do vậy, buộc bị cáo phải trả số tiền trên cho công ty V L.

[5] Các tài liệu trong hồ sơ thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn H khai ngoài hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi số lô với Nguyễn Đức H, trong các ngày 05, 06, 07, 08 và 09/10/2018, Bùi Văn H đã sử dụng số tiền bán thép là 870.000.000 đồng để đánh bạc bằng hình thức chơi số lô, số đề với Nguyễn Văn H (Sinh năm 1986; Trú tại: Thôn V C, xã Đ L, huyện H H, tỉnh B G; Ở tại: Thôn Y K, xã Y T, huyện G, thành phố H). Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, in sao kê tài

khoản ngân hàng nhưng H không thừa nhận hành vi đánh bạc với Bùi Văn H. Hải khai các khoản tiền Bùi Văn H chuyển vào tài khoản ngân hàng của H là do Bùi Văn H trả nợ tiền đã vay của H để buôn bán. Đã tiến hành cho Bùi Văn H đối chất với Nguyễn Văn H nhưng cả hai vẫn giữ nguyên lời khai. Quá trình điều tra đến nay chỉ có lời khai của Bùi Văn H, ngoài ra không có tài liệu nào khác chứng minh. Do không đủ căn cứ để kết luận về hành vi Đánh bạc của Nguyễn Văn H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi số lô nêu trên của Bùi Văn H và Nguyễn Đức H, do đã được xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Toà án nhân dân tỉnh T N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội không đề cập xử lý đối với Bùi Văn Hưng và Nguyễn Đức H về tội Đánh bạc trong vụ án này là phù hợp.

Sau khi Nguyễn Đức H nhận được tin nhắn và số tiền của Bùi Văn H chuyển đến để đánh lô thì Nguyễn Đức H đã chuyển ngay tin nhắn các số lô và số tiền đánh bạc của Bùi Văn H cho Thân Văn L (Sinh năm 1983; Trú tại: Xóm 5, thôn M Đ, xã H M, huyện V Y, tỉnh B G) để đánh bạc. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, triệu tập nhiều lần nhưng Lập vắng mặt tại nơi cư trú nên không ghi được lời khai để làm rõ. Do đó, Cơ quan điều tra đã quyết định tách rút tài liệu liên quan đến hành vi đánh bạc của Nguyễn Đức H với Thân Văn L để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Tuyên bố: Bùi Văn H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự

Xử phạt: ***Bùi Văn H 12 (mười hai) năm*** tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với hình phạt ***17 (mười bẩy) năm tù*** về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Đánh bạc" của bản án số 49/2019/HS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T N. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là ***29 (hai mươi chín) năm tù***. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2019.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải trả số tiền đã chiếm đoạt cho công ty TNHH thương mại V L là 1.326.443.600 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) - án phí hình sự sơ thẩm; 51.793.308 đồng (năm mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn ba trăm linh tám nghìn đồng) - án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại công ty TNHH thương mại V L (đại diện là bà Đồng Thị Á T) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đồng Thị Á T có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà T, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phan H C
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát ND TP H;
- Công an thành phố H;
- Cục Thi hành án DS TP H;
- Trại tạm giam số 1 Công an TP H;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.